**ĐÁP ÁN VĂN 10 – HKI 1920**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| ***I*** | ***ĐỌC HIỂU*** | ***3.0*** |
| **1** | Phương thức biểu đạt của đoạn văn: nghị luận | 0.5 |
| **2** | Những triệu chứng của bệnh vô cảm: *bạn không còn biết yêu thương và cũng không căm ghét, không cảm nhận được hạnh phúc và cũng không động lòng trước đau khổ, không có khát vọng sống ý nghĩa -> nêu được 2 triệu chứng* | 0.5 |
| **3** | Biện pháp tu từ: ẩn dụ “*trái tim và tâm hồn chết dần trong sự lạnh lẽo”*  Tác dụng: Làm cho cách diễn đạt sinh động, gợi hình, gợi cảm nhằm nhấn mạnh tác hại của bệnh vô cảm. Nó làm cho con người sống không có tình yêu thương, chỉ còn là sự cô độc, buồn tẻ. | 0.5  0.5 |
| **4** | Bài học: +Không sống vô cảm,thời ơ, lãnh đạm trước những gì xảy ra xung quanh mình.  + Sống nhân ái, yêu thương, có cảm xúc; có ước mơ, khát vọng | 0.5  0.5 |
| ***II*** | ***LÀM VĂN*** | ***7.0*** |
| **1** | Viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ về : căn bệnh vô cảm. | 2.0 |
|  | a.Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn  Bài có đủ ba phần: phần mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. | 0.25 |
|  | b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận | 0.25 |
|  | c.Triển khai vấn đề nghị luận  \* Giải thích: *“ Bệnh vô cảm” là tình trạng chai sạn của tâm hồn, là thái độ sống thời ơ, lãnh đạm trước những gì xảy ra xung quanh mình*  \* Phân tích, bàn luận  - Căn bệnh vô cảm là căn bệnh của những người sẵn sàng quay lưng lại với những nỗi đau khổ, bất hạnh của đồng loại, sẵn sàng làm ngơ trước cái xấu, cái ác; sống ích kỷ, không có tình thương.  - Xã hội cần lên án mạnh mẽ bệnh vô cảm, coi đó như là một cuộc chiến đấu để loại bỏ cái xấu.  \* Bài học  Học tập lối sống lành mạnh, biết yêu thương sẻ chia đồng cảm với những người xung quanh. Tham gia các hoạt động của trường, lớp, xã hội có tính nhân văn . | 1.0 |
|  | d.Chính tả, dùng từ, đặt câu  Đảm bảo đúng qui tắc | 0.25 |
|  | e.Sáng tạo  Bài có cách diễn đạt sáng tạo, hay, cảm xúc; liên hệ thực tế thuyết phục. | 0.25 |
| **2** | *\* Yêu cầu chung:* Học sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; thể hiện khả năng cảm thụ văn học tốt; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp. | 5 ,0 |
|  | \**Yêu cầu cụ thể:* |  |
| **a** | Đảm bảo cấu trúc văn nghị luận | 0,5 |
| Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết luận. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được ấn tượng, cảm xúc sâu đậm của cá nhân. | 0,5 |
| Trình bày đầy đủ ba phần Mở bài, Thân bài, Kết luận, nhưng các phần chưa thể hiện được đầy đủ yêu cầu trên; phần Thân bài chỉ có 1 đoạn văn. | 0,25 |
| Thiếu Mở bài hoặc Kết luận, Thân bài chỉ có 1 đoạn văn hoặc cả bài viết chỉ có 1 đoạn văn | 0,0 |
| **b** | Xác định đúng vấn đề cần nghị luận | 0,5 |
| Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: phân tích bài thơ Nhàn | 0,5 |
| Xác định chưa rõ vấn đề cần nghị luận, chỉ nêu chung chung | 0,25 |
| Xác định sai vấn đề cần nghị luận, trình bày lạc sang vấn đề khác | 0,0 |
| **c** | Chia vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm phù hợp; các luận điểm được triển khai theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai các luận điểm; biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng | 3,0 |
| - Giới thiệu về tác giả, tác phẩm;  - Phân tích bài thơ Nhàn  *+ Nội dung:Làm nổi bật quan niệm sống nhàn của Nguyễn Bỉnh Khiêm:*   * Hai câu đề: nhàn là vẻ đẹp ung dung trong thú điền viên; * Hai câu thực: nhàn là vẻ đẹp nhân cách, lánh xa chốn bon chen mưu cầu danh lợi * Hai câu luận: nhàn là vẻ đẹp của cuộc sống thuận theo tự nhiên trong sinh hoạt dân dã, đời thường. * Hai câu kết: nhàn là vẻ đẹp trí tuệ sáng suốt, không màng danh lợi.   *+Nghệ thuật*   * Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật * Hình ảnh quen thuộc, gần gũi, bình dị * Nhịp thơ, đối, điển cố, từ láy... được sử dụng hiệu quả nhằm thể hiện nội dung chủ đề.   - Đánh giá khái quát nội dung và nghệ thuật  Liên hệ bản thân   * GV tùy theo cách diễn đạt và cảm nhận của học sinh mà quyết định điểm theo gợi ý ở trên | 0,25  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,25 |
| **d** | Sáng tạo | 0,5 |
| Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố biểu cảm,…) ; văn viết giàu cảm xúc; thể hiện khả năng cảm thụ văn học tốt; có quan điểm và thái độ riêng sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật | 0,5 |
| Có một số cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo; thể hiện được một số suy nghĩ riêng sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. | 0,25 |
| Không có cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo; không có quan điểm và thái độ riêng hoặc quan điểm, thái độ trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. | 0,0 |
| **e** | Chính tả, dùng từ, đặt câu | 0,5 |
| Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. | 0,5 |
| Mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. | 0,25 |
| Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. | 0,0 |